TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 94/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2026 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*" giữa:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Thôn C, xã K, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 064191005310, cấp ngày 25/01/2021.

- Bị đơn: Ông Nhữ Văn Đ, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 030091010539, cấp ngày 19/4/2021.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 và ông Nhữ Văn Đ, sinh năm 1991.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 (là nguyên đơn) và anh Nhữ Văn Đ, sinh năm 1991 (là bị đơn) là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 25/09/2024 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã Đ, tỉnh Gia Lai). Nay nguyên đơn và bị đơn đều nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn và bị đơn tự nguyện ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Nguyễn Thị T và anh Nhữ Văn Đ có 01 con chung là Nhữ Nguyễn An N sinh ngày 23/10/2024. Sau khi ly hôn theo thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nhữ Văn Đ. Cụ thể: Giao

cho chị Nguyễn Thị T nuôi con chung cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nhữ Văn Đ thoả thuận việc cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Anh Nhữ Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng bằng tiền cho chị Nguyễn Thị T nuôi 01 con chung là Nhữ Nguyễn An N, sinh ngày 23/10/2024 với số tiền là 5.000.000 đồng/1tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ ngày 01/6/2026 cho đến khi cho đến khi con đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2.5. Về án phí:

+ Án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), chị Nguyễn Thị T và anh Nhữ Văn Đ mỗi người phải chịu là 75.000 đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nhữ Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Do chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu thay án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh Nhữ Văn Đ nên chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí nêu trên tổng cộng là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng),* nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003500 ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 10, tỉnh Gia Lai;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 10,

THẨM PHÁN

tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Đak Sơ Mei, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 75 ngày 25/8/2022);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Đoàn Xuân Hòa